

Số: **579** CV /CTLN

V/v Công bố thông tin biên bản họp và
Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường
niên năm 2020

Quảng Bình, ngày 17 tháng 06 năm 2020

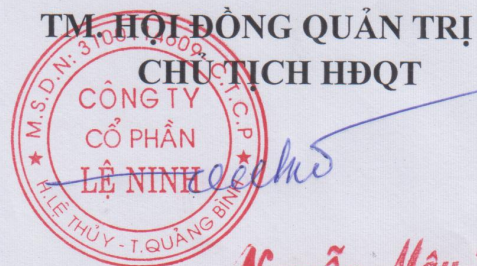
Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

1. Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH
2. Mã chứng khoán: LNC
3. Trụ sở chính: TDP 2C – Thị trấn Nông trường Lệ Ninh – huyện Lệ Thủy – Tỉnh Quảng Bình.
4. Nội dung thông tin công bố:
 - Biên bản phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên tiến hành ngày 16/6/2020
 - Nghị quyết phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên tiến hành ngày 16/6/2020.
5. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ nội dung biên bản phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020: <http://leninh.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố. ✓

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT



Nguyễn Mậu Hào

CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 581/2020/BB-ĐHĐCĐ

Quảng Bình, ngày 16 tháng 6 năm 2020

BIÊN BẢN HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020
CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Nghị định số 99/2012/NĐ-CP ngày 15/11/2012 của Chính phủ về phân công, phân cấp thực hiện quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp;
- Căn cứ Nghị định 106/2015/NĐ-CP ngày 23/10/2015 của Chính phủ về việc quản lý người đại diện vốn nhà nước giữ các chức danh quản lý tại DNNN nắm giữ trên 50% vốn điều lệ;
- Căn Nghị định 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty TNHH một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần;
- Nghị định số 10/2019/NĐ-CP ngày 30/01/2019 của Chính phủ về thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty cổ phần Lệ Ninh được Đại hội đồng cổ đông thông qua lần đầu ngày 21/9/2017,
- Công văn số 1648/STC-TCDN ngày 26/5/2020 của Sở Tài chính về việc cho ý kiến để Người đại diện phần vốn nhà nước biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty cổ phần Lệ Ninh;
- Căn cứ Công văn số 880/UBND ngày 26/5/2020 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc chấp thuận để Người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty Cổ phần Lệ Ninh biểu quyết tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2020.
- Công văn số 919/UBND-KT ngày 29/5/2020 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc ý kiến chủ sở hữu đề Người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty Cổ phần Lệ Ninh biểu quyết tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2020;
- Căn cứ biên bản kiểm phiếu biểu quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Công ty cổ phần Lệ Ninh.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty cổ phần Lệ Ninh được tổ chức tại Hội trường văn phòng Công ty, vào lúc 14 giờ 00 phút ngày 16 tháng 6 năm 2020. Diễn biến cuộc họp:



I. Khai mạc Đại hội

1. Ông Trần Công Văn – Thành viên HĐQT tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu

- Ông Nguyễn Mậu Hào – Chủ tịch HĐQT – Đại diện phần vốn nhà nước.
- Các ông, bà trong HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc, quý cổ đông

2. Ông Lê Văn Phong – Trưởng phòng TC-HC thông qua kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự đại hội, kết quả:

- Tổng số cổ đông của Công ty: 546 cổ đông;
- Tổng số cổ đông tham dự Đại hội : 28 cổ đông.

Trong đó:

- + Tổng số cổ đông trực tiếp tham dự: 28 cổ đông.
- + Tổng số cổ đông ủy quyền : 518 cổ đông.
- Tổng số cổ phần của các cổ đông và người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự Đại hội là: 8.230.067 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

- Theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hôm nay đủ điều kiện để tiến hành theo quy định của pháp luật.

3. Chủ tọa, Thư ký Đại hội và Ban kiểm phiếu

Để điều hành hoạt động của Đại hội, Đại hội đồng cổ đông đã nhất trí thông qua danh sách Đoàn Chủ tịch, Ban kiểm phiếu, Ban thư ký của Đại hội. Cụ thể:

Đoàn Chủ tịch: 04 người

- | | |
|-----------------------|-----------------------------|
| - Ông Nguyễn Mậu Hào | Chủ tịch HĐQT - Chủ tọa |
| - Ông Lê Thanh Hùng | Giám đốc - Thành viên |
| - Ông Trần Công Văn | Phó Giám đốc - Thành viên |
| - Bà Hoàng Thị Phương | Kế toán trưởng - Thành viên |

Thư ký: 02 người

- | | |
|-----------------------|--------------|
| - Ông Phạm Ngọc Thành | - Trưởng ban |
| - Bà Nguyễn Thị Liên | - Thư ký |

Ban kiểm phiếu: 03 người

- | | |
|-----------------------|--------------|
| - Ông Hoàng Văn Khiêm | - Trưởng ban |
| - Ông Nguyễn Đăng Học | - Thành viên |
| - Bà Nguyễn Thị Hằng | - Thành viên |

4. Thông qua Chương trình làm việc và Quy chế làm việc

Đại hội đã nghe Ông Lê Thanh Hùng – Thành viên HĐQT – Giám đốc Công ty thay mặt Đoàn Chủ tịch đọc Quy chế làm việc và Chương trình làm việc của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

Chương trình Đại hội gồm các nội dung chính sau:

100
Ô
CỔ
LÊ
THUY

- Công bố Công văn số 880/UBND ngày 26/5/2020 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc chấp thuận đề Người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty Cổ phần Lệ Ninh biểu quyết tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2020; Công văn số 919/UBND-KT ngày 29/5/2020 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc ý kiến chủ sở hữu đề Người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty Cổ phần Lệ Ninh biểu quyết tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2020.

- Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

- Báo cáo của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

- Thông qua Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán năm 2019.

- Thông qua Tờ trình về phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2019 và một số chỉ tiêu Kế hoạch SXKD năm 2020.

- Thông qua Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020.

- Thông qua Báo cáo chi trả thù lao HĐQT và Ban kiểm soát năm 2019; Kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, Ban kiểm soát và Thư ký HĐQT năm 2020.

- Thông qua Tờ trình miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.

- Thông qua Tờ trình bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát.

- Thông qua Quy chế ứng cử, đề cử bổ sung thành viên HĐQT, BKS.

- Thông qua Danh sách ứng cử, đề cử bổ sung thành viên HĐQT, BKS.

- Thông qua Quy chế bầu cử, ứng cử bổ sung thành viên HĐQT, BKS.

- Đại hội thảo luận và biểu quyết thông các nội dung Đại hội; Thông qua biên bản kiểm phiếu biểu quyết các vấn đề tại Đại hội.

- Thông qua Biên bản ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 Công ty Cổ phần Lệ Ninh.

- Thông qua Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 Công ty Cổ phần Lệ Ninh.

Đại hội đã thống nhất nội dung Quy chế làm việc và Chương trình làm việc của Đại hội.

Tổng số biểu quyết:

Tán thành : 100%

Không tán thành : 0%

Ý kiến khác : 0%

5. Công bố Công văn về ý kiến chủ sở hữu đề Người đại diện phần vốn nhà nước biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020

Đại hội đã nghe Ông Nguyễn Mậu Hào - Chủ tịch HĐQT công bố Công văn số 880/UBND ngày 26/5/2020 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc chấp thuận đề Người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty Cổ phần Lệ Ninh biểu quyết tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2020; Công văn số 919/UBND-KT ngày 29/5/2020 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc ý kiến chủ sở hữu đề Người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty Cổ phần Lệ Ninh biểu quyết tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2020.

II. Trình bày và thông qua các Báo cáo, Tờ trình tại Đại hội

1. Ông Nguyễn Mậu Hào – Chủ tịch HĐQT thông qua Báo cáo của HĐQT tại Đại hội đồng thường niên năm 2020.

Đại hội đã nghe và thống nhất thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng thường niên năm 2020.

Tổng số biểu quyết:

Tán thành : 100%

Không tán thành : 0%

Ý kiến khác : 0%

2. Ông Lê Hồng Sơn – Trưởng Ban kiểm soát thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng thường niên năm 2020.

Đại hội đã nghe và thống nhất thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng thường niên năm 2020.

Tổng số biểu quyết:

Tán thành : 100%

Không tán thành : 0%

3. Bà Hoàng Thị Phương – Thành viên HĐQT thông qua Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán năm 2019.

3.1. Một số chỉ tiêu chính về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài sản, nguồn vốn (từ 01/01/2019 đến hết ngày 31/12/2019):

a. Kết quả sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: Đồng

| Số TT | Chỉ tiêu | Từ ngày 01/01/2019 đến hết ngày 31/12/2019 |
|-------|---|--|
| 01 | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 90.837.252.236 |
| 02 | Các khoản giảm trừ doanh thu | |
| 03 | Giá vốn hàng bán | 78.318.162.233 |
| 04 | Lợi nhuận gộp [= (1)-(2)-(3)] | 12.519.090.003 |
| 05 | Doanh thu hoạt động tài chính | 142.510.731 |
| 06 | Chi phí tài chính | 1.762.268.976 |

| | | |
|-----------|---|----------------------|
| 07 | Chi phí bán hàng | 6.745.856.192 |
| 08 | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 3.940.076.724 |
| 09 | Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh [= (4+5) - (6+7+8)] | 213.398.842 |
| 10 | Thu nhập khác | 1.177.808.553 |
| 11 | Chi phí khác | 103.620.555 |
| 12 | Lợi nhuận khác (= 10-11) | 1.074.187.998 |
| 13 | Tổng lợi nhuận trước thuế TNDN (= 9+12) | 1.287.586.840 |
| 14 | Thuế thu nhập doanh nghiệp | 261.527.887 |
| 15 | Lợi nhuận sau thuế TNDN (= 13-14) | 1.026.058.953 |

b. Tài sản, nguồn vốn:

Đơn vị tính: Đồng

| TÀI SẢN | | Tại ngày 31/12/2019 | Tại ngày 01/01/2019 |
|----------------------------|--|------------------------|------------------------|
| A- | TÀI SẢN NGẮN HẠN | 14.531.006.494 | 20.563.530.386 |
| I. | Tiền và các khoản tương đương tiền | 2.052.362.041 | 4.805.187.183 |
| II. | Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | | - |
| III. | Các khoản phải thu | 5.835.465.163 | 9.082.422.936 |
| III | Hàng tồn kho | 6.643.179.290 | 6.675.920.267 |
| IV | Tài sản ngắn hạn khác | | |
| B- | TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ ĐẦU TƯ DÀI HẠN | 213.690.423.356 | 181.238.409.837 |
| I. | Các khoản phải thu dài hạn | 541.837.300 | 191.289.351 |
| II. | Tài sản cố định | 52.942.997.062 | 44.118.689.824 |
| III. | Bất động sản đầu tư | | |
| IV | Tài sản dở dang dài hạn | 159.278.593.361 | 136.178.968.180 |
| V. | Các khoản đầu tư tài chính DH | | |
| VI | Tài sản dài hạn khác | 926.995.633 | 749.462.482 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | | 228.221.429.850 | 201.801.940.223 |
| NGUỒN VỐN | | Tại ngày 31/12/2019 | Tại ngày 01/01/2019 |
| A- | NỢ PHẢI TRẢ | 143.695.792.766 | 116.169.418.927 |
| I. | Vay và nợ ngắn hạn | 48.530.429.866 | 36.136.926.927 |
| II | Nợ dài hạn | 95.165.362.900 | 80.032.492.000 |
| B- | NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU | 84.525.637.084 | 85.632.521.296 |
| I. | Vốn chủ sở hữu | 83.434.728.953 | 83.651.040.137 |
| II. | Nguồn kinh phí và quỹ khác | 1.090.908.131 | 1.981.481.159 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | | 228.221.429.850 | 201.801.940.223 |

3.2. Thuyết minh chỉ tiêu về kết quả sản xuất kinh doanh:

| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | Từ ngày 01/01/2019 đến hết 31/12/2019 |
|--|--|
| Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa | 90.837.252.236 |
| <i>Trong đó : Doanh thu bán thành phẩm:</i> | 88.004.597.513 |
| <i>Doanh thu hoạt động khác</i> | 2.832.654.723 |
| 2. Giá vốn hàng bán | |
| Giá vốn bán thành phẩm, hàng hóa | 78.318.162.233 |
| <i>Trong đó : Giá vốn thành phẩm đã bán</i> | 76.327.285.086 |
| <i>Giá vốn hoạt động khác</i> | 1.990.877.147 |
| 3. Doanh thu tài chính | |
| Lãi tiền gửi | 142.510.731 |
| | 142.510.731 |
| 4. Chi phí tài chính | |
| Lãi tiền vay | 1.762.268.976 |
| | 1.762.268.976 |
| 5. Thu nhập khác | |
| Thanh lý, nhượng bán TSCĐ | 225.496.474 |
| - Thu thanh lý TSCĐ | 1.195.352.692 |
| - Chi phí thanh lý TSCĐ | 969.856.218 |
| Thu nhập từ được thưởng, bồi thường | 613.535.000 |
| Các khoản thu nhập khác | 338.777.079 |
| Cộng | 1.177.808.553 |
| 6. Chi phí khác | |
| Thanh lý, nhượng bán TSCĐ | |
| -Thu thanh lý TSCĐ | |
| -Chi phí thanh lý TSCĐ | |
| Các khoản chi phí khác | 103.620.555 |
| Cộng | 103.620.555 |
| 7. Chi phí thuế TNNH | |
| - Lợi nhuận kế toán trước thuế | 1.287.586.840 |
| - Chi phí không được trừ | 20.052.595 |
| - Thu nhập tính thuế | 1.307.639.435 |
| - Thuế suất thuế TNDN | 20% |
| Cộng | 261.527.887 |
| 8. Chi phí SXKD theo yếu tố | |
| - Chi phí nguyên vật liệu CCDC | 76.161.870.236 |
| - Chi phí nhân công | 16.407.033.797 |
| - Chi phí khấu hao TSCĐ | 5.173.816.149 |
| - Chi phí bằng tiền khác | 9.924.979.929 |
| Cộng | 107.667.700.111 |

| | |
|---|----------------------|
| 9. Kết quả sản xuất kinh doanh từ ngày 01/01/2019 đến 31/12/2019 | |
| Lợi nhuận trước thuế TNDN | 1.287.586.840 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 261.527.887 |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 1.026.058.953 |

Đại hội đã nghe và thông nhất thông qua Tờ trình Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán năm 2019.

Tổng số biểu quyết:

Tán thành : 100%

Không tán thành : 0%

4. Bà Hoàng Thị Phương – Thành viên HĐQT thông qua Tờ trình về phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2019 và một số chỉ tiêu Kế hoạch SXKD năm 2020

4.1. Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế và chi trả cổ tức năm 2019:

| TT | Các khoản mục phân phối | Tỷ lệ (%) | Giá trị (đồng) | Ghi chú |
|----|--|------------|----------------------|---|
| 1 | Trích Quỹ Đầu tư phát triển | 5,65 | 58.006.608 | |
| 2 | Trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi | 58,48 | 600.000.000 | Mức trích bằng 0,33 tháng tiền lương bình quân thực hiện người lao động |
| 3 | Trích Quỹ Thưởng ban quản lý, điều hành doanh nghiệp, Trưởng ban kiểm soát | 7,8 | 80.000.000 | Mức trích bằng 0,77 tháng tiền lương bình quân thực hiện của người quản lý chuyên trách |
| 4 | Trích lợi nhuận còn lại phân chia cổ tức | 28,07 | 288.052.345 | 35 đồng/cổ phần |
| 5 | Tổng số | 100 | 1.026.058.953 | |

- Lãi cơ bản trên cổ phiếu: 35 đồng/cổ phần (tỷ lệ cổ tức 0,35%).
- Hình thức chi trả cổ tức: Chi trả bằng tiền mặt; Phần cổ tức của cổ đông nhà nước được nộp vào ngân sách nhà nước.

4.2. Một số chỉ tiêu kế hoạch năm 2020:

| STT | Chỉ tiêu | ĐVT | Kế hoạch 2020 | Ghi chú |
|------------|---|------------|------------------|---------|
| I | Ngành Trồng trọt | | | |
| | Cây cao su: | | | |
| 1 | 1.1. Diện tích cao su (quy đồng đặc) | Ha | 1366,9 | |
| | - Cao su Kinh doanh | Ha | 451,43 | |
| | - Cao su KTCB | Ha | 915,47 | |
| | - Trồng mới cao su | Tấn | 0 | |
| | 1.2. Sản lượng mủ khai thác | Tấn | 996 | |
| | - Mủ 3L | Tấn | 840 | |
| | - Mủ V10 | | 156 | |
| 2 | Rừng trồng sản xuất | | | |
| | - Trồng rừng sản xuất | Ha | 32 | |
| II | Ngành chế biến | | | |
| | Chế biến mủ cao su | Tấn | 996 | |
| 1 | - Mủ 3L Công ty | Tấn | 840 | |
| | - Mủ V10 Công ty | Tấn | 156 | |
| 2 | Chế biến Dăm gỗ | Tấn | 24.050 | |
| | Chế biến tinh dầu sả | | | |
| 3 | - Sả Ja va | Kg | 160 | |
| | - Sả Chanh | Kg | 3.000 | |
| III | Kế hoạch đầu tư XDCB | | | |
| | Tổng vốn đầu tư XDCB dự kiến | | 16,0 | |
| | - Trồng rừng sản xuất | | 1,5 | |
| | - Chăm sóc cao su KTCB | | 10,5 | |
| | - Đường giao thông nội vùng | Tỷ đồng | 1,0 | |
| | - Mua xe ô tô 16 chỗ | | 1,5 | |
| | - Mua sắm máy móc thiết bị ; sửa chữa dây chuyền MMTB, nhà máy sản xuất, nhà làm việc,... | | 1,5 | |
| IV | Một số chỉ tiêu kế hoạch tài chính | | | |
| 1 | Doanh thu | Triệu đồng | 94.000,0 | |
| 2 | Nộp ngân sách | Triệu đồng | 6.153,0 | |

| | | | |
|---|-----------------------------------|-----------------------|--------------------|
| 3 | Lợi nhuận trước thuế | Triệu đồng | 1.350,0 |
| 4 | Thu nhập bình quân/lao động/tháng | Triệu đồng | 3,9 |
| 5 | Chi trả cổ tức | Tỷ lệ cổ tức 0,45% | 45 đồng/cổ phần |

Đại hội đã nghe và thống nhất thông qua Tờ trình về phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2019 và một số chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2020.

Tổng số biểu quyết:

Tán thành : 100%

Không tán thành : 0%

5. Bà Hoàng Thị Phương – Thành viên HĐQT thông qua Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020

Đại hội đã nghe và thống nhất ủy quyền cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty thực hiện việc lựa chọn một trong ba Công ty kiểm toán sau để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty đảm bảo chất lượng, hiệu quả và theo đúng qui định của Pháp luật.

- Công ty TNHH tư vấn và kiểm toán quốc tế (AC);
- Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn KRESTON (VN);
- Công ty TNHH kiểm toán và dịch vụ tư vấn Hà Nội - HANOIAC.

Tổng số biểu quyết:

Tán thành : 100%

Không tán thành : 0%

6. Bà Hoàng Thị Phương -Thành viên HĐQT thông qua Báo cáo chi trả thù lao HĐQT và Ban kiểm soát năm 2019; Kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, Ban kiểm soát và Thụ ký HĐQT năm 2020.

6.1. Báo cáo chi trả thù lao HĐQT, BKS và Thụ ký HĐQT năm 2019

| TT | Họ và tên | Chức vụ | Thù lao & thưởng | Lương khoán | Tổng cộng |
|----|--------------------------|----------------|------------------|----------------------|----------------------|
| I | Hội đồng quản trị | | 80.000.000 | 1.068.069.200 | 1.068.069.200 |
| 1 | Nguyễn Ngọc Sơn | Chủ tịch HĐQT | | 274.654.800 | 274.654.800 |
| 2 | Lê Thanh Hùng | Giám đốc | | 203.437.200 | 203.437.200 |
| 3 | Nguyễn Mậu Hào | P. Giám đốc | | 183.102.800 | 183.102.800 |
| 4 | Trần Công Văn | P. Giám đốc | | 203.437.200 | 203.437.200 |
| 5 | Hoàng Thị Phương | Kế toán trưởng | | 203.437.200 | 203.437.200 |
| II | Ban kiểm soát | | | 172.930.800 | 196.930.800 |
| 1 | Lê Hồng Sơn | Trưởng ban | | 172.930.800 | 172.930.800 |

| | | | | | |
|-----|--------------------|------------|--------------------|----------------------|----------------------|
| | | KS | | | |
| 2 | Nguyễn Thị Liên | Thành viên | 12.000.000 | | 12.000.000 |
| 3 | Võ Thị Thắm | Thành viên | 12.000.000 | | 12.000.000 |
| III | Thư ký HĐQT | | 12.000.000 | | 12.000.000 |
| 1 | Hoàng Văn Khiêm | | 12.000.000 | | 12.000.000 |
| | Tổng cộng | | 116.000.000 | 1.241.000.000 | 1.357.000.000 |

Ghi chú:

- Khoản tiền thưởng cho HĐQT và Trưởng ban kiểm soát là: 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng chẵn) chưa phân bổ cho từng thành viên.

- HĐQT, Trưởng ban Kiểm soát chuyên trách, hưởng qua lương.

- Thành viên Ban kiểm soát và Thư ký HĐQT kiêm nhiệm, không chuyên trách: Mức thù lao chi trả: 1.000.000 đồng/tháng.

6.2. Kế hoạch chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký HĐQT năm 2020:

- Mức thù lao hàng tháng của Hội đồng quản trị:

+ Số thành viên Hội đồng quản trị: **05** thành viên

+ HĐQT chuyên trách, hưởng qua lương hàng tháng.

- Mức thù lao hàng tháng của Ban kiểm soát:

Số thành viên Ban kiểm soát: **03** thành viên

+ Trưởng BKS chuyên trách, hưởng qua lương hàng tháng.

+ Thành viên BKS, kiêm nhiệm không chuyên trách: 02 người

Mức thù lao hàng tháng: 1.000.000 đồng/người/tháng.

- Mức thù lao hàng tháng của Thư ký HĐQT:

+ Số thành viên: 01 thành viên. Kiêm nhiệm không chuyên trách.

+ Mức thù lao hàng tháng: 1.000.000 đồng/tháng.

Đại hội đã nghe và thống nhất thông qua Báo cáo chi trả thù lao HĐQT và Ban kiểm soát năm 2019; Kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, Ban kiểm soát và Thư ký HĐQT năm 2020.

Tổng số biểu quyết:

Tán thành : 100%

Không tán thành : 0%

7. Ông Trần Công Văn – Thành viên HĐQT thông qua Tờ trình miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị đối với ông Nguyễn Ngọc Sơn (nguyên Chủ tịch HĐQT đã nghỉ hưu theo chế độ BHXH).

Đại hội đã nghe và thống nhất thông qua Tờ trình miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị đối với ông Nguyễn Ngọc Sơn (nguyên Chủ tịch HĐQT đã nghỉ hưu theo chế độ BHXH).

Tổng số biểu quyết:

Tán thành : 100%

Không tán thành : 0%

8. Ông Trần Công Văn – Thành viên HĐQT thông qua Tờ trình bầu bổ sung thành viên HĐQT, BKS; Danh sách ứng cử Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2017 – 2022

*** Số lượng thành viên bầu bổ sung Hội đồng quản trị: 01 thành viên**

- Nhiệm kỳ Hội đồng quản trị: 05 năm

- Danh sách các ứng viên bầu vào HĐQT:

+ Ông Phạm Ngọc Thành

Tổng số biểu quyết:

Tán thành : 100%

Không tán thành : 0%

Ý kiến khác : 0%

*** Số lượng thành viên bầu bổ sung Ban kiểm soát: 01 thành viên**

- Nhiệm kỳ Ban kiểm soát: 05 năm

- Danh sách các ứng viên bầu vào BKS:

+ Ông Lê Tùng Định

Tổng số biểu quyết:

Tán thành : 100%

Không tán thành : 0%

Ý kiến khác : 0%

8. Ông Trần Công Văn – Đọc Quy chế bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban kiểm phiếu hướng dẫn cổ đông bỏ phiếu.

Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết thông qua Quy chế bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

Tổng số biểu quyết:

Tán thành : 100%

Không tán thành : 0%

Ý kiến khác : 0%

III. Thông qua kết quả bầu cử bổ sung thành viên HĐQT, BKS tại Đại hội

*** Thông qua kết quả bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2017 – 2022 như sau:**

- Kết quả bầu bổ sung thành viên HĐQT:

+ Ông Phạm Ngọc Thành trúng cử thành viên HĐQT

- Kết quả bầu thành viên BKS:

+ Ông Lê Tùng Định trúng cử thành viên Ban Kiểm soát

IV. Thông qua Biên bản kiểm phiếu biểu quyết; Nghị quyết và Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020

1. Thông qua Biên bản kiểm phiếu biểu quyết tại Đại hội đồng thường niên năm 2020

- Ông Hoàng Văn Khiêm – Trưởng ban kiểm phiếu thông qua Biên bản kiểm phiếu biểu quyết tại Đại hội đồng thường niên năm 2020 đối với các nội dung cần được Đại hội đồng thông qua của chương trình đại hội.

Tổng số quyền biểu quyết đồng ý: 8.230.067 cổ phần chiếm tỷ lệ 100% cổ phần có quyền biểu quyết; Tổng số quyền biểu quyết không đồng ý: 0 cổ phần chiếm tỷ lệ 0% cổ phần có quyền biểu quyết; Tổng số quyền biểu quyết có ý kiến: 0 cổ phần chiếm tỷ lệ 0% cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Thông qua Nghị quyết, biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 và bế mạc Đại hội

Ông Phạm Ngọc Thành – Trưởng ban thư ký đọc Nghị quyết và Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Công ty Cổ phần Lệ Ninh.

Ông Nguyễn Mậu Hào – Chủ tọa thông qua Nghị quyết và Biên bản họp.

- Thông qua Nghị quyết họp ĐHĐCĐ:

Tổng số biểu quyết:

Tán thành : 100%

Không tán thành : 0%

Ý kiến khác : 0%

- Thông qua Biên bản họp ĐHĐCĐ:

Tổng số biểu quyết:

Tán thành : 100 %

Không tán thành : 0 %

Ý kiến khác : 0 %


- Ông Lê Thanh Hùng bế mạc Đại hội.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 kết thúc vào hồi 17 giờ 00 phút cùng ngày./.

Ông Nguyễn Mậu Hào

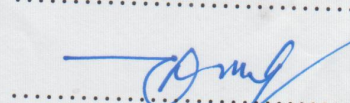
ĐOÀN CHỦ TỌA

Chủ tọa Đại hội



Ông Lê Thanh Hùng

Thành viên



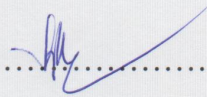
Ông Trần Công văn

Thành viên



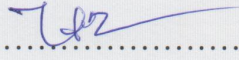
Bà Hoàng Thị Phương

Thành viên

.....


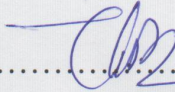
Ông Phạm Ngọc Thành

BAN THƯ KÝ
Trưởng ban thư ký

.....


Bà Nguyễn Thị Liên

Thành viên

.....




NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020
CÔNG TY CỔ PHẦN LỆ NINH

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Nghị định số 99/2012/NĐ-CP ngày 15/11/2012 của Chính phủ về phân công, phân cấp thực hiện quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp;
- Căn cứ Nghị định 106/2015/NĐ-CP ngày 23/10/2015 của Chính phủ về việc quản lý người đại diện vốn nhà nước giữ các chức danh quản lý tại DNNN nắm giữ trên 50% vốn điều lệ;
- Căn Nghị định 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty TNHH một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần;
- Nghị định số 10/2019/NĐ-CP ngày 30/01/2019 của Chính phủ về thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty cổ phần Lệ Ninh được Đại hội đồng cổ đông thông qua lần đầu ngày 21/9/2017;
- Công văn số 1648/STC-TCDN ngày 26/5/2020 của Sở Tài chính về việc cho ý kiến đề Người đại diện phần vốn nhà nước biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty cổ phần Lệ Ninh;
- Căn cứ Công văn số 880/UBND ngày 26/5/2020 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc chấp thuận đề Người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty Cổ phần Lệ Ninh biểu quyết tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2020.
- Công văn số 919/UBND-KT ngày 29/5/2020 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc ý kiến chủ sở hữu đề Người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty Cổ phần Lệ Ninh biểu quyết tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2020;
- Căn cứ biên bản kiểm phiếu biểu quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 ngày 16/6/2020;
- Căn cứ Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 ngày 16/6/2020,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng thường niên năm 2020. (đính kèm Báo cáo của Hội đồng quản trị tại Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2020).

Điều 2: Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng thường niên năm 2020. (đính kèm Báo cáo của Ban Kiểm soát tại Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2020).

Điều 3: Thông qua Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán năm 2019.

3.1. Một số chỉ tiêu chính về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài sản, nguồn vốn (từ 01/01/2019 đến hết ngày 31/12/2019):

a. Kết quả sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: Đồng

| Số TT | Chỉ tiêu | Từ ngày 01/01/2019 đến hết ngày 31/12/2019 |
|-------|--|--|
| 01 | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 90.837.252.236 |
| 02 | Các khoản giảm trừ doanh thu | |
| 03 | Giá vốn hàng bán | 78.318.162.233 |
| 04 | Lợi nhuận gộp [= (1)-(2)-(3)] | 12.519.090.003 |
| 05 | Doanh thu hoạt động tài chính | 142.510.731 |
| 06 | Chi phí tài chính | 1.762.268.976 |
| 07 | Chi phí bán hàng | 6.745.856.192 |
| 08 | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 3.940.076.724 |
| 09 | Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh [= (4+5) - (6+7+8)] | 213.398.842 |
| 10 | Thu nhập khác | 1.177.808.553 |
| 11 | Chi phí khác | 103.620.555 |
| 12 | Lợi nhuận khác (= 10-11) | 1.074.187.998 |
| 13 | Tổng lợi nhuận trước thuế TNDN (= 9+12) | 1.287.586.840 |
| 14 | Thuế thu nhập doanh nghiệp | 261.527.887 |
| 15 | Lợi nhuận sau thuế TNDN (= 13-14) | 1.026.058.953 |

b. Tài sản, nguồn vốn:

Đơn vị tính: Đồng

| TÀI SẢN | | Tại ngày 31/12/2019 | Tại ngày 01/01/2019 |
|----------------------------|--|----------------------------|----------------------------|
| A- | TÀI SẢN NGẮN HẠN | 14.531.006.494 | 20.563.530.386 |
| I. | Tiền và các khoản tương đương tiền | 2.052.362.041 | 4.805.187.183 |
| II. | Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | | - |
| III. | Các khoản phải thu | 5.835.465.163 | 9.082.422.936 |
| III | Hàng tồn kho | 6.643.179.290 | 6.675.920.267 |
| IV | Tài sản ngắn hạn khác | | |
| B- | TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ ĐẦU TƯ DÀI HẠN | 213.690.423.356 | 181.238.409.837 |
| I. | Các khoản phải thu dài hạn | 541.837.300 | 191.289.351 |
| II. | Tài sản cố định | 52.942.997.062 | 44.118.689.824 |
| III. | Bất động sản đầu tư | | |
| IV | Tài sản dở dang dài hạn | 159.278.593.361 | 136.178.968.180 |
| V. | Các khoản đầu tư tài chính DH | | |
| VI | Tài sản dài hạn khác | 926.995.633 | 749.462.482 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | | 228.221.429.850 | 201.801.940.223 |
| NGUỒN VỐN | | Tại ngày 31/12/2019 | Tại ngày 01/01/2019 |
| A- | NỢ PHẢI TRẢ | 143.695.792.766 | 116.169.418.927 |
| I. | Vay và nợ ngắn hạn | 48.530.429.866 | 36.136.926.927 |
| II | Nợ dài hạn | 95.165.362.900 | 80.032.492.000 |
| B- | NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU | 84.525.637.084 | 85.632.521.296 |
| I. | Vốn chủ sở hữu | 83.434.728.953 | 83.651.040.137 |
| II. | Nguồn kinh phí và quỹ khác | 1.090.908.131 | 1.981.481.159 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | | 228.221.429.850 | 201.801.940.223 |

3.2. Thuyết minh chỉ tiêu về kết quả sản xuất kinh doanh:

| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | Từ ngày 01/01/2019 đến hết 31/12/2019 |
|---|---------------------------------------|
| Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa | 90.837.252.236 |
| Trong đó : Doanh thu bán thành phẩm | 88.004.597.513 |
| Doanh thu hoạt động khác | 2.832.654.723 |
| 2. Giá vốn hàng bán | |
| Giá vốn bán thành phẩm, hàng hóa | 78.318.162.233 |
| Trong đó : Giá vốn thành phẩm đã bán | 76.327.285.086 |
| Giá vốn hoạt động khác | 1.990.877.147 |
| 3. Doanh thu tài chính | |
| Lãi tiền gửi | 142.510.731 |

| | |
|---|------------------------|
| | 142.510.731 |
| 4. Chi phí tài chính | |
| Lãi tiền vay | 1.762.268.976 |
| | 1.762.268.976 |
| 5. Thu nhập khác | |
| Thanh lý, nhượng bán TSCĐ | 225.496.474 |
| - Thu thanh lý TSCĐ | 1.195.352.692 |
| - Chi phí thanh lý TSCĐ | 969.856.218 |
| Thu nhập từ được thưởng, bồi thường | 613.535.000 |
| Các khoản thu nhập khác | 338.777.079 |
| Cộng | 1.177.808.553 |
| 6. Chi phí khác | |
| Thanh lý, nhượng bán TSCĐ | |
| - Thu thanh lý TSCĐ | |
| - Chi phí thanh lý TSCĐ | |
| Các khoản chi phí khác | 103.620.555 |
| Cộng | 103.620.555 |
| 7. Chi phí thuế TNNH | - |
| - Lợi nhuận kế toán trước thuế | 1.287.586.840 |
| - Chi phí không được trừ | 20.052.595 |
| - Thu nhập tính thuế | 1.307.639.435 |
| - Thuế suất thuế TNDN | 20% |
| Cộng | 261.527.887 |
| 8. Chi phí SXKD theo yếu tố | |
| - Chi phí nguyên vật liệu CCDC | 76.161.870.236 |
| - Chi phí nhân công | 16.407.033.797 |
| - Chi phí khấu hao TSCĐ | 5.173.816.149 |
| - Chi phí bằng tiền khác | 9.924.979.929 |
| Cộng | 107.667.700.111 |
| 9. Kết quả sản xuất kinh doanh từ ngày 01/01/2019 đến 31/12/2019 | |
| Lợi nhuận trước thuế TNDN | 1.287.586.840 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 261.527.887 |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 1.026.058.953 |

(Chi tiết cụ thể có Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 bởi Công ty TNHH Tư vấn và Kiểm toán Quốc tế (AC) đính kèm).

Điều 4: Tờ trình về phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2019 và một số chỉ tiêu Kế hoạch SXKD năm 2020

4.1. Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế và chi trả cổ tức năm 2019:

| TT | Các khoản mục phân phối | Tỷ lệ (%) | Giá trị (đồng) | Ghi chú |
|----|--|------------|----------------------|---|
| 1 | Trích Quỹ Đầu tư phát triển | 5,65 | 58.006.608 | |
| 2 | Trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi | 58,48 | 600.000.000 | Mức trích bằng 0,33 tháng tiền lương bình quân thực hiện người lao động |
| 3 | Trích Quỹ Thưởng ban quản lý, điều hành doanh nghiệp, Trưởng ban kiểm soát | 7,8 | 80.000.000 | Mức trích bằng 0,77 tháng tiền lương bình quân thực hiện của người quản lý chuyên trách |
| 4 | Trích lợi nhuận còn lại phân chia cổ tức | 28,07 | 288.052.345 | 35 đồng/cổ phần |
| 5 | Tổng số | 100 | 1.026.058.953 | |

- Lãi cơ bản trên cổ phiếu: 35 đồng/cổ phần (tỷ lệ cổ tức 0,35%).

- Hình thức chi trả cổ tức: Chi trả bằng tiền mặt; Phần cổ tức của cổ đông nhà nước được nộp vào ngân sách nhà nước.

4.2. Một số chỉ tiêu kế hoạch năm 2020:

| STT | Chỉ tiêu | ĐVT | Kế hoạch 2020 | Ghi chú |
|----------|--------------------------------------|-----|---------------|---------|
| I | Ngành Trồng trọt | | | |
| | Cây cao su: | | | |
| | 1.1. Diện tích cao su (quy đồng đặc) | Ha | 1366,9 | |
| | - Cao su Kinh doanh | Ha | 451,43 | |
| | - Cao su KTCB | Ha | 915,47 | |
| 1 | - Trồng mới cao su | Tấn | 0 | |
| | 1.2. Sản lượng mủ khai thác | Tấn | 996 | |
| | - Mủ 3L | Tấn | 840 | |
| | - Mủ V10 | | 156 | |
| 2 | Rừng trồng sản xuất | | | |

| | | | | |
|------------|---|--------------------|-----------------|--|
| | - Trồng rừng sản xuất | Ha | 32 | |
| II | Ngành chế biến | | | |
| | Chế biến mủ cao su | Tấn | 996 | |
| 1 | - Mủ 3L Công ty | Tấn | 840 | |
| | - Mủ V10 Công ty | Tấn | 156 | |
| 2 | Chế biến Dăm gỗ | Tấn | 24.050 | |
| | Chế biến tinh dầu sả | | | |
| 3 | - Sả Ja va | Kg | 160 | |
| | - Sả Chanh | Kg | 3.000 | |
| III | Kế hoạch đầu tư XDCB | | | |
| | Tổng vốn đầu tư XDCB dự kiến | | 16,0 | |
| | - Trồng rừng sản xuất | | 1,5 | |
| | - Chăm sóc cao su KTCB | | 10,5 | |
| | - Đường giao thông nội vùng | | 1,0 | |
| | - Đường giao thông nội vùng | | 1,5 | |
| | - Mua xe ô tô 16 chỗ | Tỷ đồng | 0,5 | |
| | - Mua sắm máy móc thiết bị ; sửa chữa dây chuyền MMTB, nhà máy sản xuất, nhà làm việc,... | | 1,5 | |
| IV | Một số chỉ tiêu kế hoạch tài chính | | | |
| 1 | Doanh thu | Triệu đồng | 94.000,0 | |
| 2 | Nộp ngân sách | Triệu đồng | 6.153,0 | |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế | Triệu đồng | 1.350,0 | |
| 4 | Thu nhập bình quân/lao động/tháng | Triệu đồng | 3,9 | |
| 5 | Chi trả cổ tức | Tỷ lệ cổ tức 0,45% | 45 đồng/cổ phần | |

Điều 5: Thông qua Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020.

Thống nhất ủy quyền cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty lựa chọn một trong ba Công ty kiểm toán là: Công ty TNHH Tư vấn và Kiểm toán quốc tế (AC); Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn KRESTON (VN); Công ty

TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tư vấn Hà Nội – HANOIAC thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020 cho Công ty cổ phần Lệ Ninh.

Điều 6: Thông qua Báo cáo chi trả thù lao HĐQT và Ban kiểm soát năm 2019; Kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, Ban kiểm soát và Thư ký HĐQT năm 2020. Cụ thể như sau:

6.1. Báo cáo chi trả thù lao HĐQT, BKS và Thư ký HĐQT năm 2019

| TT | Họ và tên | Chức vụ | Thù lao & thưởng | Lương khoán | Tổng cộng |
|-----|--------------------------|----------------|--------------------|----------------------|----------------------|
| I | Hội đồng quản trị | | | 1.068.069.200 | 1.068.069.200 |
| 1 | Nguyễn Ngọc Sơn | Chủ tịch HĐQT | | 274.654.800 | 274.654.800 |
| 2 | Lê Thanh Hùng | Giám đốc | | 203.437.200 | 203.437.200 |
| 3 | Nguyễn Mậu Hào | P. Giám đốc | | 183.102.800 | 183.102.800 |
| 4 | Trần Công Văn | P. Giám đốc | 80.000.000 | 203.437.200 | 203.437.200 |
| 5 | Hoàng Thị Phương | Kế toán trưởng | | 203.437.200 | 203.437.200 |
| II | Ban kiểm soát | | | 172.930.800 | 196.930.800 |
| 1 | Lê Hồng Sơn | Trưởng ban KS | | 172.930.800 | 172.930.800 |
| 2 | Nguyễn Thị Liên | Thành viên | 12.000.000 | | 12.000.000 |
| 3 | Võ Thị Thắm | Thành viên | 12.000.000 | | 12.000.000 |
| III | Thư ký HĐQT | | 12.000.000 | | 12.000.000 |
| 1 | Hoàng Văn Khiêm | | 12.000.000 | | 12.000.000 |
| | Tổng cộng | | 116.000.000 | 1.241.000.000 | 1.357.000.000 |

Ghi chú:

- Khoản tiền thưởng cho HĐQT và Trưởng ban kiểm soát là: 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng chẵn) chưa phân bổ cho từng thành viên.

- HĐQT, Trưởng ban Kiểm soát chuyên trách, hưởng qua lương.

- Thành viên Ban kiểm soát và Thư ký HĐQT kiêm nhiệm, không chuyên trách: Mức thù lao chi trả: 1.000.000 đồng/tháng.

6.2. Kế hoạch chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký HĐQT năm 2020:

- Mức thù lao hàng tháng của Hội đồng quản trị:

+ Số thành viên Hội đồng quản trị: **05** thành viên

+ HĐQT chuyên trách, hưởng qua lương hàng tháng.

- Mức thù lao hàng tháng của Ban kiểm soát:

Số thành viên Ban kiểm soát: 03 thành viên

+ Trưởng BKS chuyên trách, hưởng qua lương hàng tháng.

+ Thành viên BKS, kiêm nhiệm không chuyên trách: 02 người

Mức thù lao hàng tháng: 1.000.000 đồng/người/tháng.

- Mức thù lao hàng tháng của Thư ký HĐQT:

+ Số thành viên: 01 thành viên. Kiêm nhiệm không chuyên trách.

+ Mức thù lao hàng tháng: 1.000.000 đồng/tháng.

Điều 7: Thông qua Tờ trình miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị đối với ông Nguyễn Ngọc Sơn (nguyên Chủ tịch HĐQT đã nghỉ hưu theo chế độ BHXH).

Điều 8: Thông qua Tờ trình bầu bổ sung thành viên HĐQT, Ban kiểm soát và Kết quả bầu cử thành viên HĐQT, Ban kiểm soát

Đại hội thông qua Tờ trình và Kết quả bầu bổ sung thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2017 – 2022 như sau:

Thành viên Hội đồng quản trị:

1. Ông Phạm Ngọc Thành

Thành viên Ban kiểm soát:

1. Ông Lê Tùng Định

Điều 9: Đại hội đồng cổ đông thống nhất ủy quyền giao cho Hội đồng quản trị căn cứ các nội dung trên đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Công ty cổ phần Lệ Ninh thông qua, tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 10: Thực hiện và thi hành Nghị quyết.

Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua toàn văn và có hiệu lực từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh Quảng Bình (để b/c);
- Chủ tịch HĐQT;
- Các thành viên HĐQT;
- Ban kiểm soát;
- Quý cổ đông;
- Các đoàn thể, các phòng, các đơn vị trực thuộc;
- UBCKNN-IDS (công bố thông tin);
- Website công ty;
- Lưu VT, Thư ký HĐQT.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

CHỦ TỌA ĐẠI HỘI



Nguyễn Mậu Hào